

CL, ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Số: 165/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Hồng N - sinh năm: 1961; địa chỉ: ấp LH, xã VB, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Sử Văn Nh, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp TA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thúy Ng - Sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp LH, xã VB, huyện CL, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Văn T - Là luật gia Hội Luật gia tỉnh BT.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bến Tre.

Người đại diện ủy quyền của Ngân hàng là ông Trần Công Th - Trưởng phòng giao dịch CL - Chi nhánh BT.

- Anh Nguyễn Trọng N1 - Sinh năm: 1990;

- Anh Nguyễn Trọng N2 - sinh năm 1995; địa chỉ: ấp LH, xã VB, huyện CL, tỉnh BT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành ngày 21 tháng 06 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và hoà giải thành ngày 21 tháng 06 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thúy Ng thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng N được toàn quyền sử dụng, định đoạt phần đất, nhà và cây trồng trên phần đất có diện tích 3.536,3m² (trong đó 300m² đất ở), thuộc thửa số 03 còn lại, tờ bản đồ số 31; xã VB, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 115, tờ bản đồ số 07 của Nguyễn Thị Q.
- Đông giáp thửa 20, tờ bản đồ số 31 của Nguyễn Hồng N3.
- Nam giáp rạch.
- Tây giáp thửa 03 tách, tờ bản đồ số 31.

(Có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thúy Ng đồng ý tặng cho anh Nguyễn Trọng N1 và anh Nguyễn Trọng N2 phần đất và cây trồng trên đất có diện tích 3.509,5m², thuộc thửa 03 tách, tờ bản đồ số 31; xã VB, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 115, tờ bản đồ số 07 của Nguyễn Thị Q.
- Đông giáp thửa 03 còn lại, tờ bản đồ số 31.
- Nam giáp rạch.
- Tây giáp thửa 66, tờ bản đồ số 31 của Huỳnh Kim K.

(Có họa đồ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Trọng N1, anh Nguyễn Trọng N2 cùng đồng ý giao trả lại cho ông Nguyễn Hồng N được toàn quyền sử dụng đối với căn nhà cấp 4 (gồm nhà chính - có kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole giả ngói, sàn bê tông cốt thép, trần nhựa; Nhà phụ - khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole tráng kẽm, trần nhựa; nhà tiền chế; mái che; nhà vệ sinh; nhà nuôi gà; sân nền bê tông; hàng rào) nằm trên phần đất có diện tích 3.536,3m², thuộc thửa 03 còn lại, tờ bản đồ số 31; xã VB, huyện CL, tỉnh BT.

Ông Nguyễn Hồng N có trách nhiệm thối lại cho bà Nguyễn Thị Thúy Ng ½ giá trị căn nhà tường cấp 4 xây trên phần đất thuộc thửa 03 còn lại là 327.645.000đồng.

Ông N đồng ý cho bà Ng, anh N1, anh N2 lưu cư trên phần nhà + đất nêu trên là 09 tháng kể từ ngày ông N thối lại cho bà Ng đủ số tiền 327.645.000đồng.

Ông Nguyễn Hồng N được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất có diện tích 331,8m², thuộc thửa số 646, tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã LT, huyện CL, tỉnh BT và tài sản trên đất, có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 42, tờ bản đồ số 10 của Nguyễn Văn C.
- Đông giáp đường.
- Nam giáp thửa 647, tờ bản đồ số 10 của Nguyễn Thị C1.
- Tây giáp thửa 603, tờ bản đồ số 10 của Nguyễn Hoàn T.

(Có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Hồng N có trách nhiệm thối lại cho bà Nguyễn Thị Thúy Ng giá trị phần đất thuộc thửa 646, tờ bản đồ 10 là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Ông Nguyễn Hồng N được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất và cây trồng trên đất có diện tích 4.341,7m², thuộc thửa 129 tách, tờ bản đồ số 10 xã LT, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 129 còn lại, tờ bản đồ số 10 và thửa 564, tờ bản đồ số 10 của Cao Thị Thanh T, thửa 548 tờ bản đồ số 10 của Lê Thị H, thửa 549 của Nguyễn Thị C1 và thửa 102 của Lý Thanh B.
- Đông giáp thửa 128, 135 tờ bản đồ số 10 của Trần Thị P.
- Nam giáp thửa 132 tờ bản đồ số 10 của Lý Hậu T.
- Tây giáp thửa 130, 131 tờ bản đồ số 10 của Trần Thị P và thửa 76 tờ bản đồ số 10 của Trần Thị S.

(Có họa đồ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất và cây trồng trên đất có diện tích 2.490,5m², thuộc thửa 129 còn, tờ bản đồ số 10 xã LT, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 448 tờ bản đồ số 10 Cao Văn D.
- Đông giáp thửa 564 tờ bản đồ số 10 của Cao Thị Thanh T.
- Nam giáp thửa 129 tách và thửa 76 tờ bản đồ số 10 của Trần Thị S.
- Tây giáp đường. (Có họa đồ kèm theo)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia đất và cây trồng trên phần đất thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 20 xã VB (do nguyên đơn rút một phần đối với yêu cầu chia cây trồng vì đã tự thỏa thuận chia đất xong).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương (do Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập).

Về án phí: Ông Nguyễn Hồng N tự nguyện chịu án phí đối với phần đất ông được nhận thuộc thửa 03 còn lại, thửa 129 tách, thửa 646. Tuy nhiên ông N là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Anh Nguyễn Trọng N1, anh Nguyễn Trọng N2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được nhận thửa 03 là 59.264.000đồng.

Bà Ng có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất thuộc thửa 129 còn lại giá trị $2.490,5\text{m}^2 \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.494.300.000\text{đồng}$ và giá trị tài sản được nhận là 1.327.645.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản bà Ng được nhận là 2.821.945.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ng phải chịu là $2.821.945.000\text{đ} \times 2,5\% = 44.219.450\text{đồng}$.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh BT - Phòng giao dịch CL số tiền mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí là 28.565.000đồng theo biên lai số 0001942, ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Chi phí tố tụng: Ông N, bà Ng mỗi người tự nguyện $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng gồm chi phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 16.811.000đồng (phần này ông N đã nộp đủ). Bà Ng có trách nhiệm trả lại cho ông N chi phí tố tụng là 8.405.500đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG